TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VŨNG TÀU **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2018/HS-ST
Ngày 16-05-2018

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thanh Hảo
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Anh Đắc
Ông Nguyễn Đắc Liệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Nga – Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Quốc Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 05 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 51/2018/HSST ngày 05 tháng 04 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2018/HSST-QĐXX ngày 24 tháng 04 năm 2018, đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn L, sinh ngày 01 tháng 05 năm 1962 tại NA; nơi đăng ký HKTT: Tổ 2, ấp PT 2, xã TH, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; chỗ ở: đường CL, Phường MH, thành phố VT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: nuôi tôm; trình độ văn hóa: 10/10; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Th và bà Nguyễn Thị T; vợ: Nguyễn Thị Bích T; có 04 người con, con lớn nhất sinh năm 1987, con nhỏ nhất sinh năm 1993; tiền sự, tiền án: không; bị bắt ngày 24 tháng 12 năm 2017; Quyết định thay thế biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lĩnh số 06/VKS-KSĐT ngày 02-01-2018; bị cáo tại ngoại (có mặt).

2. Bùi Thanh N, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1977 tại NA; nơi đăng ký HKTT: Xóm XH, xã TX, huyện TC, tỉnh Nghệ An; chỗ ở: đường CL, Phường MH, thành phố VT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: nuôi tôm; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn Q và bà Trần Thị T; vợ: Phan Thị H; có 02 người con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2014; tiền sự, tiền án: không; bị bắt ngày 24 tháng 12 năm 2017; Quyết định thay thế biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lĩnh số 16/VKS-KSĐT ngày 19-01-2018; bị cáo tại ngoại (có mặt).

3. Nguyễn Lâm H, sinh ngày 28 tháng 10 năm 1984 tại NA; nơi đăng ký HKTT: Đội MB, xã T, huyện TC, tỉnh Nghệ An; chỗ ở: đường CL, Phường MH,

thành phố VT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: nuôi tôm; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Lâm M và bà Nguyễn Thị S; tiền sự, tiền án: không; bị bắt ngày 24 tháng 12 năm 2017; Quyết định thay thế biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lĩnh số 18/VKS-KSĐT ngày 19-01-2018; bị cáo tại ngoại (có mặt).

4. **Trần Văn B**, sinh ngày 05 tháng 10 năm 1994 tại NA; nơi đăng ký HKTT: Xóm T, xã G, huyện TC, tỉnh Nghệ An; chỗ ở: đường PT, Phường MH, thành phố VT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: nuôi tôm; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo:không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Đ và bà Ngũ Thị X (chết); tiền sự, tiền án: không; bị bắt ngày 24 tháng 12 năm 2017; Quyết định thay thế biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lĩnh số 17/VKS-KSĐT ngày 19 -01-2018; bị cáo tại ngoại (có mặt).

5. **Nguyễn Văn T**, sinh ngày 20 tháng 8 năm 1982 tại NA; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: đường CL, Phường MH, thành phố VT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: làm biển; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Trương Thị H; vợ: Phan Thị Th; có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền sự, tiền án: không; bị bắt ngày 24 tháng 12 năm 2017; Quyết định thay thế biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lĩnh số 05/VKS-KSĐT ngày 02-01-2018; bị cáo tại ngoại (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ ngày 24-12-2017, Công an Phường MH, thành phố VT bắt quả tang tại nhà của Phạm Văn L ở đường CL, Phường MH, thành phố VT, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu các đối tượng gồm: Phạm Văn L, Bùi Thanh N, Nguyễn Lâm H, Trần Văn B và Nguyễn Văn T đang thực hiện hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức đánh bài cào 03 lá thắng thua bằng tiền.

Quá trình điều tra, các đối tượng khai nhận tham gia đánh bạc bằng hình thức chơi bài cào 03 lá, mỗi người chơi đặt 100.000đ/ván, ai có bài lớn nhất thì ăn hết tiền và ván tiếp theo chia bài. Bài lớn nhất là 03 lá A, tiếp theo là 03 lá bài tây trùng nhau (giảm dần từ K, Q, J), giảm dần 03 lá trùng nhau từ 10 về 2, tiếp đến là 03 lá bài tây không trùng nhau, rồi đến nút bài: 09 nút là lớn giảm dần về 0 nút, nếu nút bằng điểm nhau thì ai có chất lớn hơn thì thắng (theo thứ tự giảm dần: cơ, rô, chuồn, bích), còn cùng điểm có chất bài như nhau thì ai có lá bài lớn hơn thì ăn (lá A lớn nhất, giảm dần về lá 2 là nhỏ nhất).

Vật chứng thu giữ gồm: 01 bộ bài tây đã qua sử dụng, 5.600.000 đ thu giữ trên chiếu bạc, trong đó: của Trần Văn B 1.100.000đ, của Bùi Thanh N

1.100.000đ, của Phạm Văn L 1.100.000đ, của Nguyễn Văn T 1.100.000đ, của Nguyễn Lâm H 1.200.000đ.

Cơ quan điều tra còn thu giữ trong người của Bùi Thành N 1.500.000đ, N khai nhận là tiền dùng để đánh bạc; thu giữ của Nguyễn Văn T số tiền 20.600.000 đồng, T khai đây số tiền không dùng để đánh bạc nên Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại Nguyễn Văn T.

Căn cứ Nghị quyết 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22-10-2010 của Hội đồng Thẩm phán tòa án nhân dân tối cao, thì tổng số tiền đánh bạc của các con bạc trên là 5.600.000đ + 1.500.000đ = 7.100.000đ.

Bản cáo trạng số 34/CT- VKS ngày 02 tháng 04 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố VT đã truy tố Phạm Văn L, Bùi Thanh N, Nguyễn Lâm H, Trần Văn B, Nguyễn Văn T về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi các bị cáo thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc". Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt các bị cáo mức án từ 03 đến 06 tháng tù; phạt bổ sung các bị cáo hình phạt tiền từ 5.000.000 đ đến 10.000.000 đ.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên toà, các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng và ý kiến luận tội của Viện kiểm sát, công nhận Viện kiểm sát truy tố đúng tội danh. Các bị cáo không có ý kiến gì tự bào chữa cho hành vi phạm tội của mình, chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần mức án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố VT, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố VT, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo xác định đã bị bắt quả tang khi đang thực hiện hành vi đánh bạc trái phép vào lúc 15 giờ ngày 24-12-2017, tại số nhà 112/8 đường CL, Phường MH, thành phố VT với tổng số tiền sử dụng để đánh bạc là 7.100.000 đ. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, vật chứng thu giữ và các tài liệu

chứng cứ khác đã được các cơ quan tiến hành tố tụng thu thập trong hồ sơ vụ án và thẩm tra lại tại phiên tòa.

Xét hành vi đánh bài do các bị cáo thực hiện là hành vi đánh bạc trái phép, thuộc trường hợp nhiều người cùng tham gia đánh bạc với nhau, mục đích được thua bằng tiền. Căn cứ hướng dẫn tại Điều 1 Nghị Quyết số 01/2010/NQ – HĐTP ngày 22/10/2010 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; xác định tổng số tiền các bị cáo đã sử dụng để đánh bạc vào ngày 24-12-2017 là 7.100.000đ. Trong đó các bị cáo đã sử dụng số tiền để tham gia đánh bạc cụ thể như sau: Bị cáo L 1.100.000đ, Nam 2.600.000đ, H 1.200.000đ, Ban 1.100.000đ; T 1.100.000đ. Vì vậy, hành vi các bị cáo thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội " Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999.

So sánh thấy tội "Đánh bạc" theo Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định hình phạt nặng hơn so với tội "Đánh bạc" theo Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999, không có lợi cho người phạm tội. Vì vậy, HĐXX quyết định vẫn áp dụng Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 để làm căn cứ quyết định trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự công cộng, gây mất trật tự an ninh xã hội tại địa phương, là nguyên nhân dẫn đến các loại tệ nạn xã hội và tội phạm khác. Vì vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật, nhằm giáo dục cải tạo riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung. Trong đó bị cáo L là người rủ các bị cáo khác về nhà mình để đánh bạc, bị cáo N là người sử dụng số tiền nhiều nhất để đánh bạc, nên HĐXX sẽ cân nhắc khi lượng hình, xử phạt các bị cáo hình phạt tương ứng với hành vi phạm tội và tương ứng với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Nên xem xét xử phạt các bị cáo hình phạt chính là phạt tiền cũng đủ tác dụng răn đe giáo dục các bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Số tiền 7.100.000đ sử dụng vào việc đánh bạc trái phép, nên tịch thu sung quỹ nhà nước;

- 01 bộ bài tây 52 lá không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy.

[6] Về án phí : Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Văn L, Bùi Thanh N, Nguyễn Lâm H, Trần Văn B, Nguyễn Văn T phạm tội "Đánh bạc".

2. Áp dụng khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015:

- Phạt tiền 35.000.000 đ (ba mươi lăm triệu đồng) đối với Phạm Văn L để sung quỹ nhà nước. Phạm Văn L có nghĩa vụ nộp số tiền phạt nêu trên trong thời hạn 10 (mười) tháng, mỗi tháng phải nộp số tiền 3.500.000 đ (ba triệu năm trăm ngàn đồng).

- Phạt tiền 35.000.000 đ (ba mươi lăm triệu đồng) đối với Bùi Thanh N để sung quỹ nhà nước. Bùi Thanh N có nghĩa vụ nộp số tiền phạt nêu trên trong thời hạn 10 (mười) tháng, mỗi tháng phải nộp số tiền 3.500.000 đ (ba triệu năm trăm ngàn đồng).

- Phạt tiền 30.000.000 đ (ba mươi triệu đồng) đối với Nguyễn Lâm H để sung quỹ nhà nước. Nguyễn Lâm H có nghĩa vụ nộp số tiền phạt nêu trên trong thời hạn 10 (mười) tháng, mỗi tháng phải nộp số tiền 3.000.000 đ (ba triệu đồng).

- Phạt tiền 30.000.000 đ (ba mươi triệu đồng) đối với Trần Văn B để sung quỹ nhà nước. Trần Văn B có nghĩa vụ nộp số tiền phạt nêu trên trong thời hạn 10 (mười) tháng, mỗi tháng phải nộp số tiền 3.000.000 đ (ba triệu đồng).

- Phạt tiền 30.000.000 đ (ba mươi triệu đồng) đối với Nguyễn Văn T để sung quỹ nhà nước. Nguyễn Văn T có nghĩa vụ nộp số tiền phạt nêu trên trong thời hạn 10 (mười) tháng, mỗi tháng phải nộp số tiền 3.000.000 đ (ba triệu đồng).

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015;

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bộ bài tây đã qua sử dụng;

- Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 7.100.000đ (bảy triệu một trăm ngàn đồng).

Vật chứng nêu trên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố VT quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng số 114/BB.THA ngày 15 tháng 05 năm 2018 và Biên lai thu tiền số 0009393 ngày 15 tháng 05 năm 2018.

4. Án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (PV27);
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND thành phố Vũng Tàu;
- Công an thành phố Vũng Tàu;
- Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố Vũng Tàu;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Thị Thanh Hảo